

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh quyết định giao đất, cho Công ty TNHH Hồng Đào thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở dân cư tại phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 của UBND thị xã Hoàng Mai về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu nhà ở dân cư tại phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 765/TTr-SNNMT.QLĐĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc điều chỉnh quyết định giao đất, cho Công ty TNHH Hồng Đào thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở dân cư tại phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Điều chỉnh nội dung Điều 1 các Quyết định: số 354/QĐ-UBND.ĐC, 355/QĐ-UBND.ĐC, 356/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh về việc giao đất, cho Công ty TNHH Hồng Đào thuê đất để thực hiện dự án Khu nhà ở dân cư tại thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu (nay là phường Hoàng Mai), tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

a) Tại Điều 1 Quyết định số 354/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh ghi: "Giao 20.469,7 m² đất (đợt 1) có thu tiền sử dụng đất (phần diện tích đất đã nộp tiền sử dụng đất theo giá đất ở) tại thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cho Công ty TNHH Hồng Đào để sử dụng vào mục đích xây dựng Khu nhà ở dân cư theo quy hoạch và pháp luật. Cụ thể như sau:

- 1.450,0 m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà chung cư. ✓

Vị trí, ranh giới các khu đất được giao xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất (đo, chỉnh lý bổ sung) số 177/2012/BĐ.ĐC, tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 17/10/2012.

- 19.019,7 m² đất để xây dựng nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự

Vị trí, ranh giới các khu đất được giao xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất (trích đo) số 85/2010/BĐ.ĐC, tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 20/12/2010”.

- b) Nay điều chỉnh thành: “Giao 20.220,3 m² đất (đợt 1) có thu tiền sử dụng đất tại phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An cho Công ty TNHH Hồng Đào để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự thuộc dự án Khu nhà ở dân cư theo quy hoạch và pháp luật.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Bản đồ địa chính đo đạc bổ sung số 701/2025/BĐĐC/VPĐK do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập, được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 23/10/2025.”

c) Tại Điều 1 Quyết định số 355/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh ghi: “Cho Công ty TNHH Hồng Đào thuê 2.656,2 m² đất tại thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An với hình thức thuê đất trả tiền hàng năm để sử dụng vào mục đích xây dựng Nhà trẻ mẫu giáo và sân thể dục, thể thao theo quy hoạch và pháp luật. Trong đó:

- 1.111,0 m² đất để xây dựng Nhà trẻ mẫu giáo.

- 1.545,2 m² đất để xây dựng Sân thể dục, thể thao.

Vị trí, ranh giới các khu đất được giao xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất (trích đo) số 85/2010/BĐ.ĐC, tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 20/12/2010”.

d) Nay điều chỉnh thành:

“Cho Công ty TNHH Hồng Đào thuê 2.656,0 m² đất tại phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An với hình thức thuê đất trả tiền hàng năm để sử dụng vào mục đích xây dựng Trường mầm non thuộc dự án Khu nhà ở dân cư theo quy hoạch và pháp luật.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Bản đồ địa chính đo đạc bổ sung số 701/2025/BĐĐC/VPĐK do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập, được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 23/10/2025”.

e) Tại Điều 1 Quyết định số 356/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh ghi:

“Giao 15.346,7 m² đất với hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất tại thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cho Công ty TNHH Hồng Đào để sử dụng vào mục đích xây dựng các công trình công cộng sử dụng chung, không nhằm mục đích kinh doanh. Sau khi xây dựng xong cơ sở hạ tầng, yêu cầu Công ty TNHH Hồng Đào bàn giao lại cho UBND huyện Quỳnh Lưu để đưa vào quản lý, sử dụng theo quy hoạch và pháp luật. Trong đó: ✓

- 11.877,0 m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng đường giao thông.

- 347,5 m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng mương thoát nước.

Vị trí, ranh giới các khu đất được giao xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất (trích đo) số 85/2010/BĐ.ĐC, tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 20/12/2010.

- 3.122,2 m² đất sử dụng vào mục đích làm sân vườn nhà chung cư

Vị trí, ranh giới các khu đất được giao xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất (đo, chỉnh lý bổ sung) số 177/2012/BĐ.ĐC, tỷ lệ 1/1.000, được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 17/10/2012.”

f) Nay điều chỉnh thành: “Giao 15.596,3 m² đất với hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất tại phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An cho Công ty TNHH Hồng Đào để sử dụng vào mục đích xây dựng các công trình công cộng sử dụng chung, không nhằm mục đích kinh doanh. Sau khi xây dựng xong cơ sở hạ tầng, yêu cầu Công ty TNHH Hồng Đào bàn giao lại cho UBND phường Hoàng Mai để đưa vào quản lý, sử dụng theo quy hoạch và pháp luật. Trong đó:

- 12.424,8 m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng đường giao thông.

- 347,5 m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng mương thoát nước.

- 1.731,9 m² đất sử dụng vào mục đích cây xanh công viên, sân thể dục thể thao.

- 1.092,1 m² đất để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà văn hoá.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Bản đồ địa chính đo đạc bổ sung số 701/2025/BĐĐC/VPĐK do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An lập, được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 23/10/2025”.

(Có biểu chi tiết các thửa đất kèm theo)

2. Các nội dung khác tại các Quyết định: số 354/QĐ-UBND.ĐC, 355/QĐ-UBND.ĐC, 356/QĐ-UBND.ĐC ngày 30/11/2012 của UBND tỉnh giữ nguyên không thay đổi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thuế tỉnh Nghệ An:

- Thông báo cho Công ty TNHH Hồng Đào nộp tiền sử dụng đất, phí, lệ phí theo quy định.

- Xác định tiền sử dụng đất phải nộp, phải nộp bổ sung (nếu có), được hoàn trả (nếu có); hướng dẫn thực hiện giảm tiền sử dụng đất, khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, ghi nợ tiền sử dụng đất (nếu có).

- Thu tiền sử dụng đất phải nộp, hoàn trả tiền sử dụng đất, thu phí, lệ phí của Công ty TNHH Hồng Đào theo đúng quy định pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Xác định giá đất cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt (nếu có); cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất; Chủ trì, phối

hợp với các đơn vị liên quan xác định mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH Hồng Đào theo nội dung điều chỉnh.

- Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh thực hiện việc cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.

3. Sở Tài chính, Sở Xây dựng: Thực hiện chức năng nhiệm vụ về quản lý nhà nước để theo dõi việc triển khai thực hiện Dự án của Chủ đầu tư theo chủ trương đầu tư, quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.


4. UBND phường Hoàng Mai: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Hồng Đào theo quy định của pháp luật.

5. Công ty TNHH Hồng Đào: Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ nêu trên; nộp tiền sử dụng đất, các khoản phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật; sử dụng đất đúng mục đích, đúng diện tích, mốc giới khu đất; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh Nghệ An; Chủ tịch UBND phường Hoàng Mai và Giám đốc Công ty TNHH Hồng Đào chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của tỉnh. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh (Phùng Thành Vinh);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, Th).





Phùng Thành Vinh

**BIỂU TỔNG HỢP THỬA ĐẤT GIAO, CHO THUÊ ĐỢT 1 (ĐIỀU CHỈNH)
DỰ ÁN KHU NHÀ Ở DÂN CƯ TẠI PHƯỜNG QUỲNH THIỆN, THỊ XÃ HOÀNG MAI**

(nay là phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An)

(Kèm theo Quyết định số 22 /QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Nghệ An)

Số TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
I. Đất ở tại đô thị			20.220,30			
1	32	2	139,50	ODT	Nhà ở liền kề	
2	32	8	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
3	32	10	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
4	32	11	102,60	ODT	Nhà ở liền kề	
5	32	12	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
6	32	13	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
7	32	15	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
8	32	16	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
9	32	17	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
10	32	18	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
11	32	19	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
12	32	20	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
13	32	21	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
14	32	22	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
15	32	25	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
16	32	26	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
17	32	27	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
18	32	28	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
19	32	29	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
20	32	30	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
21	32	31	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
22	32	33	102,60	ODT	Nhà ở liền kề	
23	32	34	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
24	32	35	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
25	32	36	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
26	32	38	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
27	32	39	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
28	32	40	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
29	32	42	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
30	32	43	119,60	ODT	Nhà ở liền kề	
31	32	44	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
32	32	46	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
33	32	48	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
34	32	49	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
35	32	50	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
36	32	51	117,80	ODT	Nhà ở liền kề	
37	32	52	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
38	32	53	122,40	ODT	Nhà ở liền kề	
39	32	56	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
40	32	57	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
41	32	58	122,40	ODT	Nhà ở liền kề	
42	32	59	107,10	ODT	Nhà ở liền kề	
43	32	60	122,40	ODT	Nhà ở liền kề	
44	32	61	119,60	ODT	Nhà ở liền kề	



Số TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
45	32	62	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
46	32	63	129,30	ODT	Nhà ở liền kề	
47	32	65	122,40	ODT	Nhà ở liền kề	
48	32	67	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
49	32	68	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
50	32	69	122,40	ODT	Nhà ở liền kề	
51	32	71	122,40	ODT	Nhà ở liền kề	
52	32	73	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
53	32	74	117,90	ODT	Nhà ở liền kề	
54	32	75	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
55	32	77	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
56	32	79	129,20	ODT	Nhà ở liền kề	
57	32	80	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
58	32	81	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
59	32	84	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
60	32	85	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
61	32	88	131,50	ODT	Nhà ở liền kề	
62	32	89	110,80	ODT	Nhà ở liền kề	
63	32	90	136,00	ODT	Nhà ở liền kề	
64	32	91	108,00	ODT	Nhà ở liền kề	
65	32	92	108,00	ODT	Nhà ở liền kề	
66	32	95	108,00	ODT	Nhà ở liền kề	
67	32	96	131,50	ODT	Nhà ở liền kề	
68	32	97	143,50	ODT	Nhà ở liền kề	
69	32	100	108,00	ODT	Nhà ở liền kề	
70	32	101	108,00	ODT	Nhà ở liền kề	
71	32	103	132,00	ODT	Nhà ở liền kề	
72	32	104	135,60	ODT	Nhà ở liền kề	
73	32	105	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
74	32	106	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
75	32	107	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
76	32	108	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
77	32	111	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
78	32	112	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
79	32	115	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
80	32	116	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
81	32	119	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
82	32	120	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
83	32	122	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
84	32	123	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
85	32	126	173,80	ODT	Nhà ở liền kề	
86	32	128	140,00	ODT	Nhà ở liền kề	
87	32	131	160,90	ODT	Nhà ở liền kề	
88	32	132	97,40	ODT	Nhà ở liền kề	
89	32	133	118,40	ODT	Nhà ở liền kề	
90	32	136	108,50	ODT	Nhà ở liền kề	
91	32	139	109,60	ODT	Nhà ở liền kề	
92	32	140	110,60	ODT	Nhà ở liền kề	
93	32	143	111,90	ODT	Nhà ở liền kề	
94	32	144	113,00	ODT	Nhà ở liền kề	

Số TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
95	32	145	114,00	ODT	Nhà ở liền kề	
96	32	148	115,10	ODT	Nhà ở liền kề	
97	32	149	116,10	ODT	Nhà ở liền kề	
98	32	151	117,40	ODT	Nhà ở liền kề	
99	32	154	107,50	ODT	Nhà ở liền kề	
100	32	156	106,30	ODT	Nhà ở liền kề	
101	32	160	105,30	ODT	Nhà ở liền kề	
102	32	163	112,80	ODT	Nhà ở liền kề	
103	32	166	101,00	ODT	Nhà ở liền kề	
104	32	335	106,00	ODT	Nhà ở liền kề	
105	32	336	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
106	32	337	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
107	32	338	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
108	32	339	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
109	32	340	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
110	32	341	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
111	32	343	106,00	ODT	Nhà ở liền kề	
112	32	344	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
113	32	345	102,10	ODT	Nhà ở liền kề	
114	32	346	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
115	32	347	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
116	32	348	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
117	32	349	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
118	32	350	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
119	32	351	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
120	32	352	106,00	ODT	Nhà ở liền kề	
121	32	354	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
122	32	355	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
123	32	356	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
124	32	357	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
125	32	358	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
126	32	359	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
127	32	360	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
128	32	361	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
129	32	362	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
130	32	363	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
131	32	364	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
132	32	365	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
133	32	366	106,00	ODT	Nhà ở liền kề	
134	32	371	106,00	ODT	Nhà ở liền kề	
135	32	372	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
136	32	374	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
137	32	375	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
138	32	376	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
139	32	377	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
140	32	380	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
141	32	381	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
142	32	383	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
143	32	384	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
144	32	386	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	

Số TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
145	32	387	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
146	32	388	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
147	32	389	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	
148	32	390	106,00	ODT	Nhà ở liền kề	
149	32	393	104,30	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
150	32	394	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
151	32	395	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
152	32	396	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
153	32	397	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
154	32	398	102,00	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
155	32	402	139,70	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
156	32	403	135,20	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
157	32	404	135,20	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
158	32	405	135,20	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
159	32	406	135,20	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
160	32	407	135,30	ODT	Nhà ở liền kề	Điều chỉnh
161	32	367	199,50	ODT	Nhà ở biệt thự	
162	32	368	204,00	ODT	Nhà ở biệt thự	
163	32	369	204,00	ODT	Nhà ở biệt thự	
164	32	370	204,00	ODT	Nhà ở biệt thự	
165	32	373	204,00	ODT	Nhà ở biệt thự	
166	32	379	191,00	ODT	Nhà ở biệt thự	
167	32	382	204,00	ODT	Nhà ở biệt thự	
168	32	385	204,00	ODT	Nhà ở biệt thự	
II. Đất công cộng			15.596,30			
169	32	93	11.759,70	DGT	Đường giao thông	
170	32	399	354,80	DGT	Đường giao thông	Điều chỉnh
171	32	401	310,30	DGT	Đường giao thông	Điều chỉnh
172	32	23	95,20	DTL	Mương thoát nước	
173	32	45	115,80	DTL	Mương thoát nước	
174	32	76	36,30	DTL	Mương thoát nước	
175	32	98	36,30	DTL	Mương thoát nước	
176	32	117	63,90	DTL	Mương thoát nước	
177	32	378	76,50	DKV	Cây xanh	Điều chỉnh
178	32	391	153,00	DKV	Cây xanh	Điều chỉnh
179	32	408	1.502,40	DKV	Công viên, sân thể dục thể thao	Điều chỉnh
180	32	400	1.092,10	DVH	Nhà văn hoá	Điều chỉnh
II. Đất cơ sở giáo dục đào tạo			2.656,00			
181	32	392	2.656,00	DGD	Trường mầm non	Điều chỉnh
Tổng diện tích giao, cho thuê đất đợt 1			38.472,60			